



Tình Yêu Đất

Võ Hồng

Lão Túc bỏ liên tiếp năm sáu nhát cuốc thật mạnh. Lưỡi cuốc vạt từng mảng đất lớn, kéo ngã sấp xuống. Vết cắt láng nhẵn như có thoa mỡ. Mặt đất cỏ mọc dày, vết cuốc cắt đứt rễ cỏ chẳng chịt nghe "rao" một tiếng ngọt. Chốc chốc là một cây sục sục, một bụi mắc cỡ, một cây găng bị ngã theo mảng đất. Đất mới tỏa ra một hương thơm

nồng, ấm, ngai ngái. Đó là thứ mùi quen thuộc lão vẫn thường ngửi mùi khi vào tháng Năm, lưỡi cày của lão xóc từng mảng đất thổ, khi vào tháng Hai lưỡi cuốc của lão bỏ xuống từng nhát mạnh để cuốc cỏ mía. Nơi vết thương của lòng đất vừa mở, hơi nóng tỏa nhẹ lên làm lão ngây ngất và khiến lão nghĩ rằng đất là thứ da thịt có cảm xúc. Ở quanh rìa đám đất, những gốc duối, gốc móc, ó, móc mèo nằm ngổn ngang hoặc chồng chất lên nhau. Gốc nào cũng vụn vụn, sù sì, mang từng dải, từng chùm, rễ dài. Chúng đợi khô để chui vào bếp lửa.

Lão Túc chống cán cuốc đứng nghỉ. Mồ hôi điểm giọt trên khuôn mặt, hộc lại chảy thành dòng xuống má xuống râu. Da mặt đen xạm như một gốc tre bị hun khói. Nếp nhăn chẳng chịt cày sâu trên khuôn mặt, bao quanh đôi hố mắt trũng xuống, bao quanh cái miệng móm. Lão không mặc áo mà chỉ đánh một cái quần đen bạc màu xắn lên đến đầu gối. Da ở ngực, ở lưng, ở đôi cánh tay ống chân cũng đều hừng hực một màu nâu cháy, màu của những chổi rơm bằng đất nung già lửa cháy men. Mặt trời đã đứng ở đỉnh đầu. Hai con chim bạc má đuổi nhau kêu chi chách ở bụi cỏ um tùm gần đó. Lão đi lại gần ấm nước, với tay cầm lên tu một hơi dài. Nước chảy từng dòng xuống ngực, xuống bụng. Lão đưa mắt nhìn một vòng khu đất vừa khai phá. Bờ ranh sát với đường cái đi, lão để chừa một hàng gai bàn chải làm hàng rào. Đầu kia là cái ao nước mọc đầy rong đuôi chồn màu xanh già. Những chòm rau chóc đứng ven bờ đơm từng chùm hoa tím nhạt.

Khoảng đất này nguyên là đất bỏ hoang mọc đầy gai bàn chải. Bỏ hoang từ bao giờ; lão không hề biết vì hồi còn nhỏ lừa bò đi qua đây lão đã hồi hộp lo sợ khi nhìn rừng bàn chải âm u, vắng lạnh. Hồi ấy nơi đây còn có một cây đa to. Thân đa đầy hang hốc, rễ buông sù sì và hỏa lò vỡ, bình vôi bể chất ngổn ngang ở gốc cây. Một không khí ma quái rùng rợn phảng phất, nhất là khi nhìn lên chân núi đứng kề đó, lão thấy ngổn ngang những nấm mộ. Người sống đi lại, buồn bán nói chuyện, cãi vả ở đầu xóm và giữa xóm. Người chết nằm yên lặng ở cuối xóm nơi chân núi, dưới những ngôi mộ. Khu gò hoang này, người trong xóm gọi là Gò Đình. Chắc hồi xưa nơi đây có cái đình. Bây giờ thì trong óc người dân xóm, Gò Đình là tượng trưng cho một cõi, một miền xa xôi hoang vắng nhiều rắn rết, nhiều ma quái. Những lời truyền trong xóm không thiếu gì để tô điểm cho cái không khí âm u huyền bí nơi đây. Có người nói đã gặp, chỗ này; một đôi rắn thần to bằng cột nhà, dài bằng mười thước và trên đầu có mào đỏ. Có người nói hòa thượng chùa Đồng Mạ đi qua đây giữa khuya đã gặp một con quỷ màu trắng toát cao đến đọt cây gạo. Hòa thượng bắt quyết, nạt to lên một tiếng và con quỷ tan đi. Biết bao nhiêu câu chuyện rùng rợn nữa làm cho lão, hồi nhỏ, ngồi chòm hòm bên bếp lửa mùa đông, mở to mắt say mê nghe và cứ xích dần vào gần đống lửa.

Lớn lên, già đi, lão không còn sợ ma, sợ quỷ nữa. Đã từng chứng kiến bao nhiêu cái chết, cái chết của cha mẹ, của họ hàng, của người quen, của người lạ, của người già và người trẻ, lão thấy nếu người chết có hóa ra ma thật thì lão sẽ không ngạc nhiên khi gặp. Lão tưởng tượng mình có thể đứng nói chuyện với ma được. Và nếu ma có rủ lão chết thì lão cũng sẽ chết theo, miễn chết sao cho nhẹ nhàng êm thấm, đừng đau đớn. Đồi lão có gì sung sướng đâu mà lão tiếc?. Lên sáu tuổi đã phải đi chăn bò cho người ta. Lên mười lăm tuổi thì cầm liềm cầm hái đi gặt. Rồi thì cày ruộng, tát nước, gánh mạ, cuốc cỏ... Có bao giờ lão được an nhàn ấm thân đâu? Hết thời Tây đến thời Nhật qua thời kháng chiến, lão mơ ước có một đám đất của mình để gieo hạt giống của mình, cắt lên bó lúa của mình, nhưng không bao giờ lão có được. Sống gần hết đời người mà lúc nào cũng chỉ có trên tay một cái rựa, trên vai một cái cuốc, trên đầu một cái nón lá rách tả tơi. Nhìn người ta có đôi bò, đôi trâu, có đụn rơm đứng ngất ngầu ở góc sân, có bồ lúa nằm oai vệ ở giữa nhà, lão thèm thường một cách tuyệt vọng. Ông Xụ kêu người ta tới cân bông. Ông Lá nhắn người ta đến hốt đường. Ông Quyền bán lúa, ông Lâm bán bắp... Mọi người nhà nông đều có một món gì để bán ra. Ngày mùa, họ lo âu hoặc hờn hờ. Còn lão; lão luôn luôn đóng vai người ngoài cuộc, lúc nào cũng chuẩn bị đồ mồ hôi ra dưới ánh nắng để làm lấy công. Lão không có dịp, lão không có quyền lo lắng và hy vọng. Bấc sớm hay nồm trễ, lúa nhe kịp trở hay lúa ba thóc mới đòng đòng, đó là câu chuyện của người ta, chỉ dính dáng đến người ta. Lão cũng muốn nói góp vào, nói cho đậm đà câu chuyện nhưng mà tủi thân biết bao khi câu chuyện chấm dứt. Vì khi về với thực tế, lão lại chua xót thấy mình không hề có một vạt lúa, một nắm bắp, một nương khoai.

Một hôm lão chợt nảy ra ý kiến khai phá Gò Đình. Vợ lão e dè phản đối:

- Chỗ mồ mả rấn rít...
- Gặp mồ mả thì mình lấy cốt.
- Biết vậy nhưng mà...

Vợ lão không nói hơn. Ngoại trừ những chuyện cụ thể như nồi cơm trách mắm, con chó con mèo, cây rau cây chuối... còn thì mù không nói lý luận được. Lão Túc cặm cụi phát một mớ bàn chải cho ngã xuống sau mười ngày phơi nắng, lão chắt đóng lại đốt. Từng nhát cuốc bổ xuống. Những đồng bàn chải khác lại tiếp tục được phát xuống, được đốt đi. Từng nhát cuốc bổ xuống. Kiến càng, kiến lửa, kiến bù nhọt táo tác chạy loạn. Thần lẫn, rấn mối, kỳ không chạy "rẹt" vào bụi rậm khi nghe bước chân thỉnh thoảng, nhát cuốc phạm phạm. Cào cào, châu châu, bọ ngựa, dế trũi, dế mèn nhảy tới tấp, bay rào rào về phía trước mặt, nơi gai góc và lá xanh chưa bị tàn phá. Tháng Bảy nền trời nặng những tầng mây vẫn đục. Cơn mưa đông đầu mùa ào xuống. Nơi khoảnh đất vừa khai phá, lão đánh vòng trồng khoai lang. Giữa hai vòng khoai, lão rắc bắp. Nơi bờ ranh, lão gieo hạt mướp, bí ngô. Ven bờ cái bàu nước, lão trồng rau muống, rau húng, rau ngổ, cà dĩa, cà dái dê. Lão cặm những hom củ mì. Lão giã những đợt mía.

Lão muốn trồng đủ thứ, đủ thứ vào trong cái giang san bé nhỏ này của lão. Nhất định là không có một diện tích nào bỏ trống. Lão thương yêu từng mảng đất nhỏ. Nhỏ một bụi cỏ dại nhưng trước khi vất đi vào bụi rậm, lão phải cẩn thận đập chày để cho bao nhiêu đất bám vào đó phải rụng xuống vào giang san của lão. Nhiều lần thuận tay chụp một hòn đất định ném theo một con dồng đang đào hang bươi những rễ khoai, lão chợt ngừng tay lại bỏ hòn đất xuống rồi đảo mắt tìm một mảnh sành, một viên đá. Lão sợ hòn đất lọt ra ngoài bờ đường, làm gầy mòn đi cái giang san của lão. Lão thương đất như thương con, như thương chính da thịt của mình. Có những buổi chiều mùa Hạ, lão trải chiếu manh xuống đất rồi nằm ngửa mặt nhìn trời. Da trời xanh láng nhuần như thịt một con mực vừa cắt ra. Một tiếng sơn ca rung rinh trên tầng cao. Lão cảm nghe ảm áp tựa nơi lưng mình là mảnh đất thân yêu, mảnh đất của mình, mảnh đất chắc chắn là của mình, hẳn nạy sinh ra khoai lúa là để cho riêng mình. Còn ai thương lão hơn mảnh đất này không? Con lão thì bỏ lão đi. Nó mê gái hơn cha. Lão nói với nó:

- Hết mùa cày, thằng Lọt, mày phụ tay với tao phá rộng thêm miếng đất Gò Đình.

Thằng Lọt im lặng, lằm lì không trả lời.

- Chừng nào tao chết thì mày có miếng đất đó để trồng trọt làm ăn. Có một miếng đất đỡ hơn là suốt đời chỉ đi làm mướn.

- Giàu có gì, miếng đất đầy mồ mả đó.

Lão Túc quắc mắt nhìn con, chòm người tới trước trong một tư thế tự vệ. Câu nói của thằng Lọt mổ vào tự ái của lão, bất ngờ như lão vừa bị một con ong châm nọc. Nó xúc phạm tới mảnh đất của lão. Lão giận dữ quát lên:

- Mày nói sao? Đất sao lại mồ mả? Đất nào không mồ mả? Công tao khai phá, đổ mồ hôi cực, mồ hôi hòn xuống đó. Mày...

Giọng lão run lên. Thằng Lọt bỏ đi ra chuồng heo. Thực tình thì nó đâu có ghét đất? Nó sờ dĩa chán hết cả cày, cuốc, trâu, bò là vì con Ty. sắp đi Phan Thiết làm ăn. Cô con Ty bỏ xứ đi hoang mười lăm năm trời, mới về thăm quê. Mụ mặc áo ni-lông và đeo đồng hồ tay. Mụ nói giọng Sài Gòn. Mụ bảo:

- Đi ở đày tứ cho người ta ở thành phố còn sướng hơn có ruộng ở nhà quê. Mỗi tháng lãnh lương bốn, năm trăm đồng, để dành uốn tóc, mua đồng hồ và may áo ny-lông.

Con Ty nghe nói mê mẩn quyết đi vào Phan Thiết nơi cô nó ở. Thằng Lọt nghe tin đau xót trong lòng. Nó như người mất hồn để cái gì đâu quên cái đó. Con Ty rủ nó cùng đi. Nó ngần ngại vì nhút nhát. Từ nhỏ đến giờ chỉ mới nghe đi xe ngựa tới Phú Tân. Tuy Hòa xinh đẹp làm sao. Quy Nhơn sang trọng như thế nào, nó chỉ mơ ước và sợ sệt mà không dám mong đi tới. Nó khuyên con Ty đừng đi. Nó bày chuyện đem ra dọa con Ty. Nhưng con Ty chỉ thò lò mắt ra nhìn, lông nheo dày đặc, lông mày rậm ri. Đó không phải là loại đàn bà biết sợ. Nên thằng Lọt cuối cùng phải lén quần mớ áo quần cũ trốn nhà đi theo nó.

Thằng con bội bạc! Bây giờ nó ở đâu lão đâu có biết. Mê gái bỏ cha bỏ mẹ, bỏ quê hương làng xóm. Đó, nuôi con cây cực từ nhỏ chí lớn, thế là lớn lên có nhờ nó được gì không? Mảnh đất trung thành với lão hơn. Và hiền lành nữa. Hơn cả vợ lão.. Vợ lão ăn hiếp lão thường xuyên, nói một tiếng thì mụ trả lời lại mười. Mụ xô vào giềng co với lão, đập thùm thụp vào lưng lão. Lão nhịn. Hôm nào vô phúc lão nổi hăng lên cãi lại mụ thì chiều hôm đó lão phải nhịn đối. Mụ nằm dài trên giường đắp chiếu rên hừ hừ, nhất định không xuống bếp. Thằng Lọt bỏ nhà ra đi theo con Ty, cả xóm đều biết nhưng mụ cũng nhất định đổ tội cho lão, bảo rằng tại lão mà ra. Láng giềng của lão thì cũng chẳng ai hiền lành hơn. Họ nhìn xéo và liếc trộm. Đó là những người cũng

nghèo như lão. Những người giàu, những ông hương ông xã thì gọi lão bằng "thằng cha Túc". Khi lão để râu dài, người ta gọi là "lão Túc". Mấy cán bộ trẻ tuổi có người gọi lão bằng "cụ", nhưng lão phải trả lại bằng rất nhiều tiếng "dạ", "dạ" trước câu nói và "dạ" sau câu nói.

Rốt cuộc chỉ có mảnh đất này là để cho lão an lòng, để cho lão nương tựa. Nó không phản bội lão. Đất không phản bội người, chỉ có người mới phản bội đất. Người dậm chân thề nguyện rửa sả rồi bỏ đi. Đất vẫn ở lại nhẫn nại trung thành. Khi người về, người cứ tưới mồ hôi xuống là đất lại nảy ra lá xanh, đơm hoa, kết trái. Lão dang tay đặt xuống mặt đất. Lão duỗi chân cho chân kề sát đất. Lão lăn qua nằm úp mặt xuống đất. Khối đất vững chắc nặng trĩu nằm cam nín như khuyến khích lão an tâm. Đất không vốn vấp đón mừng, nên đất cũng không lạnh nhạt xua đuổi.

Qua tháng Mười bí ngô bò chằng chịt lên bụi bờ gai gốc nở những nụ hoa vàng lớn. Lá bí lá mướp xanh rờn rợn che kín những thân gai xương xẩu, như truyền cho lão sức sống dồi dào tươi mát. Thân bắp vươn lên căng ứ nhựa, lá óng ánh chao đi chao lại thêm gió phe phẩy. Rồi bắp trở cờ, hoa vàng rung rinh thả từng trận mưa phấn nhẹ mỏng như sương. Rồi bắp rặng chàng nhu nhú trong bẹ. Trái bắp lớn dần, no tròn thêm, căng những hột non dưới làn bao. Những con ong vò vẽ, ong bầu, ong mật bay vù vù rộn rã suốt ngày, chui vào hoa này, bám lên hoa kia làm nhộn nhịp cả một khu không khí. Vành khuyên chích choè gọi nhau, trả lời nhau, đuổi nhau từ cảnh này sang cảnh khác. Một cặp chia vôi bay đến đậu, nói chuyện liến thoắng. Đúng là những đứa lấm miệng lấm mồm. Tiếng con chim gáy đờ ở nơi xa hơn, chậm chậm, buồn buồn như tiếng đếm nhịp của một ông giáo già dạy học ở nhà thờ. Chào mào nghe ồn ào cũng rủ nhau tìm tới, cất tiếng chuyện trò. Tiếng chim ở trước mặt, ở sau lưng, ở bên trái, bên phải chen chúc lẫn lộn vào nhau. Sau một hồi làm náo loạn khoảnh đất yên tĩnh này, chúng vội bay đi mất hết để lại một mình lão với tiếng cuốc phạt từng nhát xuống đất, chậm chậm đều đặn, tiếng một cành cây bị bẻ gãy, tiếng một chùm lá cọ xát vào nhau. Có khác gì cuộc đời của lão đâu? Hội hè, đình đám, Tết nhất giỗ chạp, giọng cười bên ấm trà, câu chuyện vui trong khói thuốc... Tất cả chỉ là những món trang điểm nhất thời. Làm li, chịu đựng, cán cuốc bóng nhẵn trong gan bàn tay, ánh nắng rung rinh đốt nóng tròng mắt, đó mới là cuộc đời thực của lão. Những buổi chiều đi về nhà, tay cầm trái mướp mới hái, đầu đội thúng khoai mới dỡ hay một xâu trái bắp tròn vào cán cuốc vác lên vai, lão thấy lâng lâng vui sướng, chân bước nhẹ nhàng. "*Mảnh đất của mình! Niềm thương và hy vọng của mình!*" Từng chập lão bắt gặp ý tưởng ấy nó cứ len lỏi, như lấp kín trong óc lão, không chịu rời.

Mỗi ngày cái khoảnh đất của lão mỗi nói rộng ra. Những bụi duối to được chặt đi và lão hí hục dùng xà beng nạy cho bật rễ, kéo đặt nằm trên mặt đất trông như những thân người quần quai đau đớn.

Một buổi chiều trên đường về nhà, lão Túc gặp ông chủ tịch xã. Lão đưa tay trái lên gãi đầu, miệng lí nhí một lời chào:

- Dạ thưa thầy...

Ông chủ tịch tươi cười:

- Thầy bà cái gì. Thời đại bây giờ. Ở dưới đất về đó hả?

- Dạ.

"Ở dưới đất về", bốn tiếng đó làm mát một nơi nào trong bụng lão, trong tâm can của lão. "*Ở dưới đất về*", bốn tiếng lão thường nghe ông Phó Hai, bà Hương Năm hay nói mỗi khi gặp ai hỏi "*đi đâu về?*". Đất đây là đất trồng mía, trồng bông, trồng mè, trồng đậu. Họ xuống đất để trông coi công cày, công gieo mạ hoặc công cuốc cỏ. Khi hoa vụ lên, họ xuống dưới đất để ngó chừng ăn trộm ăn đạo. Tới ngày hái bông đập mía, họ xuống dưới đất để thu hoạch hoa lợi. "*Ở dưới đất về*" là tiếng dành riêng cho người có của. Ở dưới đất về, ông Phó Hai đi chậm rãi, khua guốc lóc cóc trên đường xóm và tay cầm cái rựa cán dài. Tha hồ chặt cây dọn bờ với một lưỡi rựa bén ngọt như vậy. Bờ dậu bao quanh đám đất bao giờ cũng um tùm cây cối. Chúng mọc lẩn ra, vươn chồi, trĩu lá choán cả lối mọc của mía đậu, che tàn rợp giành giật ánh sáng và không khí của mía của đậu. Lão tưởng tượng lưỡi rựa phát xuống, dứt lia những cành cây ươn ngạnh và gian trá. Thật sung sướng là tấm lòng người chủ miếng đất nâng niu bảo vệ cây trái của mình và chinh phạt tàn nhẫn lũ cỏ cây dại. Ở dưới đất về, bà Hương Năm quần vai dưới sức nặng của đôi giỏ đựng đầy tai bông trắng xóa. Ở dưới đất về! ... Đó là điệp khúc của một bài ca làm say sưa tâm hồn lão như mới ngày nào đây, lúc còn thanh xuân, lòng lão rung động theo câu hò điệu hát huê tình:

Tình thương quán cũng như nhà,

Lều tranh có nghĩa hơn tòa lẫm cao

Giờ đây lão đã có một miếng đất để mà đi về, đã có từng đám cây trái để mà bảo vệ, có bờ bụi phản loạn để mà chinh phạt. Lão không còn là thứ người "hai tay đấm hai cùi" thứ người chỉ có đôi dép cao su và cái rựa, thứ người chỉ sống nhờ vào sự thuê mướn của kẻ khác. Niềm vui đó theo chân lão mà về đến nhà.

Mụ Túc đang lục đục trong bếp. Có tiếng một cái cối tiêu bị hất văng lông lốc trên nền đất. Có tiếng nồi cơm đặt nặng một cái "thịch" lên trên mặt rế. Mụ làm lụng bao giờ cũng nặng tay. Chẳng cái chén, cái đĩa nào được nguyên vẹn với mụ. Không mở miệng thì cũng nứt ngang nứt dọc. Lắm hôm phải lật cái khu chén lên để đựng nước mắm. Lão vừa đi ngang qua cửa bếp định cất cái cuốc xuống khỏi vai thì có tiếng đĩa bếp quật mạnh đánh bịch một cái và tiếp theo, tiếng con Mực la oảng oảng vừa tháo chạy ra sân. Thân mình nó oằn oại. Nó ngã lăn xuống đất, kéo lết đôi chân sau vừa nhe trắng cả hai hàm răng. Tiếng oảng oảng phát ra từ cái mồm lờm chờm đó như cũng có góc nhọn. Chúng kéo dài, duỗi dần, rời rạc dần. Trong bếp, tiếng mụ làm bầm:

- Đồ quỷ sứ, ăn hỗn hào. Đụng chỗ nào cũng thọc mỗ...

Lão bước trở vào bếp. Mụ chụp ngay:

- Con mẹ Cốc đó hả? Mồ tổ cha mày, sao mày không đem cái chày lại trả cho tao? Nói mượn một chút mà giữ chết ở đằng đó. Nhà tao có ai đâu mà sai. Ôn hoàng dịch tể hại mày.

Không nghe có tiếng trả lời, mụ ngược lên nhìn và thấy lão:

- Thằng già này nữa. Không phải sao không lên tiếng? Đi qua nhà mụ Cốc đòi cái chày về.
- Đòi chày làm gì? - Lão ôn tồn hỏi.
- Đòi chày làm gì không biết hả? Để về tể cha tui phải không? Không thấy cái cối ớt kia sao?

Lão nhìn xuống cái cối nằm nghiêng ở gần ổ gà. Một con gà mái đen nằm trố mắt nhìn lại lão. Hai trái ớt vàng ra xa ở dưới chân rổ bát. Lão nói:

- Đòi hỏi cái gì. Không có chày thì lấy đũa mà giãm cũng được.

Lão cười hì hì một tiếng nhẹ tiếp theo. Tức thì mụ ném vung đôi đũa bếp:

- Còn cười nữa? Tức chết người ta đi. Hết nước mắm, hết củi, cơm sống. Nấu một nồi cơm mà thổi lửa hết hơi.

Lão đi lại lượm từng chiếc đũa bếp, gõ vào nhau cho sạch đất. Lão tiến tới gần mụ. Mụ tránh ra, thủ thế, nhưng lão chỉ đặt nhẹ một bàn tay lên vai mụ. Mụ hất tay lão ra:

- Đẹp! Đẹp!

Lão cười hề hề. Niềm vui của lão khiến lão thấy thương hại cho mụ vợ lụng khùng vùng vằng. Giá gặp một buổi nào khác thì lão đã tiếp tay cho mụ xáng luôn cái bát xuống đất. Tiếp chân mụ đá luôn cái cối cho lăn tuột ra sân. Không, một người có đất, đất mịn màng và màu mỡ như vậy, có đám lúa ngực đầu ngâm sữa, có vạt bắp đang chao những cánh lá trong gió, một người sung sướng như thế không thể dễ dàng nóng giận. Màu xanh của lá, màu vàng của hoa, gió mát và hương thơm đang phảng phất trong tâm hồn lão khiến lão bình tĩnh và kiên nhẫn. Lão khom lưng ngồi xuống cầm cái ống thổi lửa thổi phù phù vào đám củi chà. Đóm lửa sáng lên, đỏ rực, nới rộng ra, liếm vào cành củi, bật lên ngọn.



hoa mù u

Bóng tối xuống êm đềm ngoài sân. Mùi thơm của hoa mù u nồng nồng. Sau bữa cơm lão bắc chõng ra nằm ở dưới hiên. Mụ ngồi se sợi đan võng ở cây cột gần đó. Bầy muỗi đói bay va vào chân lão khiến lão phải đập chan chát từng hồi. Nhìn vắn vợ nền trời lấm tẩm sao, lão dịu dàng thả tâm hồn đi lãng vãng về những chặng đời niên thiếu, trưởng thành của mình. Cũng dưới một nền trời sao nở lấm tẩm như đêm nay, hồi lên chín tuổi, lão đã phải băng đồng một mình trong canh khuya đi lũng tìm con bê chạy lạc. Dân nhà nông ở hai làng Bình Hòa, Phú Mỹ cứ sáng phải lừa từng bầy bò đi hàng ba hàng

bốn cây số xuống cánh đồng Hòa Mai, Hà Yên để có cỏ thả cho bò ăn. Buổi chiều lừa về, bầy này đi lẫn lộn với bầy kia vì con đường xóm hẹp. Đi cạnh những con bò cái hiền lành vô tư lự là những con bê con ngậy thơ. Những chàng bò đực khác bầy khi gặp nhau thường chẳng mấy khi chịu yên. Chúng gầm đầu xuống khịt mũi, quào hai chân trước xuống mặt đất rồi xông vào nhau mà húc. Sừng đập chan chát. Bụi tung mịt mù. Bò cái bò con chạy tán loạn. Người đi chợ cũng chạy tán loạn theo. Chính trong một cuộc bò đực giao đấu đó mà con bê của lão chặn chạy lạc sang bầy bò khác. Lũng kiếm không ra. Phải lừa bầy bò còn lại về chuồng.

Chịu năm quắt roi mây có lần ngang lưng. Chịu nhịn đói bữa tối đó và cời quần áo lội qua sông Cây Dừa đến từng chuồng bò ở hai làng Bình Hòa, Phú Mỹ mà kiếm. Bóng tối cũng dày đặc, êm và mềm như đêm nay. Sao

cũng nở chi chít và hớn hở như đêm nay. Mỗi chân và đôi, và lạnh, lão ngồi ở bờ sông mà bật khóc òa lên. Lão sợ cây roi mây dài của chủ. Mỗi lần vạt tới, làn roi xé gió nghe vút một tiếng dài và thân roi quấn tròn theo thân mình gầy nhom của lão. Nhức nhối như có lửa trong thân roi. Rỉ rỉ như có máu ứa ngay theo làn roi. Lão thở dài lẩn mình trên chõng. Tiếng vạt tre cọt kẹt ở dưới lưng. Lão đưa một ngón tay lên chấm ở khóe mắt, ngạc nhiên thấy đã có nước mắt đọng ở đó tự lúc nào. Lão quay sang bảo vợ:

- Hôm rày bà chưa xuống dưới đất thăm. Bắp đã trở cò dưới đó.

Tiếng ồm ồm của lão làm mục Túc giật mình. Mục đang xe sợi trên bắp đùi để trần mà mắt thì lơ dờ ngủ gục, mục hỏi lại:

- Cái gì? Nói cái gì?

- Bắp trở cò ở dưới đất mình.

- Tưởng cái gì. Làm người ta giật mình.

- Mai bà xuống vun gốc với tôi.

- Mệt! Tưởng năm sở bầy sở gì. Có một vạt đất bằng bàn tay mà cũng làm rộn.

Lão lại cười hề hề:

- Một bàn tay cũng là đất, năm sở bầy sở cũng là đất. Tao có một bàn tay thì tao rộn theo một bàn tay.

Mục ngáp dài tỏ ý không muốn nghe nữa nên lão cũng chẳng thèm nói thêm. Nói với đầu gối còn hơn nói với con mẹ này. Lão nằm lắng nghe tiếng gió thổi xào xạc trong lùm cây sung, tiếng dầm chèo gõ lộp cộp trên be thuyền đang bủa lưới ở mé sông. Bao nhiêu tiếng đó đều quen thuộc với lão, ghé lại chặng nào trong Quá Khứ lão cũng đều gặp nhưng mà riêng đêm nay lão đã thấy thiết tha thân mật. Quả tình niềm vui của ban chiều đã theo lão không rời và trong giấc ngủ chập chờn dường như lão chiêm bao thấy toàn những gĩa lúa đổ thành đống, thành đống cao, rộng mãi ra cao vút lên, vô biên, tràn ngập khắp cả. Chỉ toàn những lúa là lúa. Ngày thu mát lạnh tiếp theo ngày hè nóng nực. Cái ao con ở góc mảnh đất mỗi ngày một hẹp chu vi. Đất lán ra ở ven bờ, đất chụm lên rơm khô cỏ khô, đất bò đến đâu là cây cà dây muống tiếp chân đi theo, chầm rể xuống để giữ cho đất khỏi lở. Lâu lâu giữa lúc đang cuốc đất lão chợt nghe tiếng con cá vẩy đuôi một cái mạnh dưới lòng ao. Lão dừng cuốc quay lại nhìn vừa mỉm cười lẩm bẫm nói:

- À! vẩy mạnh đi con. Đợi hôm nào ông bắt về um một chảo.

Lời hăm dọa có đượm vẻ thân tình. Nếu một ngày nào lão thả lơ hay úp nơm mà bắt được cá thì chắc lão sẽ ôm cá lên tay mà nhìn như ôm một người bạn. Và lão sẽ ẵm thịt người bạn đó, ngon lành, ầu yếm. Khi mặt trời lên cao nước ao ấm áp thì rờng rờng bơi lội từng đàn. Cá sặc, cá rô thi nhau đớp mống làm rung rinh mặt nước. Hoa súng vươn mình lên cao xòe nở từng cánh trắng. Mặt ao trông giống cái khăn trải bàn có thêu thùa lá hoa rậm rạp.

Một ngày tháng Mười năm đó, ông thư ký địa bạ của xã đi ngang qua đám đất, lấy chân gạt tấm cửa ngõ bên bằng chà gai tre, lững thững bước vào. Lão đang cời trần cuốc cỏ đám mì, vội vã quay lại. Lão mời ông thư ký vào ngồi ở cái chòi nhỏ. Vừa đặt đít ngồi lên vạt liếp tre, ông thư ký chép miệng:

- Chà! Ở đây gió mát quá. Ngủ trưa thì sướng tuyệt.

Lão "dạ" một tiếng rụt rè.

- Chòi này cụ làm để giữ dưa?

- Dạ giữ dưa giữ bắp luôn thể.

Lão móc túi đựng thuốc ra mời. Thuốc xắc mỏng như sợi râu mày xanh úa. Lão nói:

- Mời ông thư ký hút thử. Thuốc này là giống Vân Hòa tôi xin được vài chục cây đem trồng ở góc kia.

Lão đưa ngón tay chỉ về phía đám thuốc đang ra hoa. Những cành lá dày, rộng, mọc ở dưới chân đã bị tưới hết. Khói thuốc phì phà đây nghệt cái chòi nhỏ. Chợt ông thư ký đằng hắng một tiếng lớn rồi trịnh trọng nói:

- Mấy bữa nay xã phát động công tác kiến điền. Ai có ruộng đất đều phải làm tờ khai. Cụ...

- Dạ, thưa ông thư ký, đất này là đất bỏ hoang tôi mới phá vỡ.

- Tôi biết... tôi biết... - ông thư ký vội ngắt lời - Cụ khai để đứng tên làm nghiệp chủ kéo sớ sau này có người tranh đoạt.

- Dạ.

- Đất khai hoang thì cụ được ăn hoa lợi năm năm khỏi phải đóng thuế.

- Dạ.

Thấy ông thư ký ngồi im lặng không nói tiếp, lão lúng túng hỏi:

- Nhưng mà cách thức khai báo...

- À, cụ cứ ra trụ sở xã rồi anh em làm giùm cho. Cốt là cụ phải đo đạc miếng đất theo chiều dài, chiều ngang rồi tính diện tích.

Những tiếng "chiều dài, chiều ngang, diện tích" khó hiểu khó nhớ làm cho mặt lão nhăn nhó lại.

- Được rồi. Để tôi bày cho cụ. Biết chưa? Cụ đo một bề này, - ông thư ký giơ ngón tay chỉ - coi nó được mấy thước. Biết chưa?
- Dạ.
- Rồi cụ đo bề này, - ngón tay lại chỉ về một phía khác, - Biết chưa?
- Dạ.
- Xong đâu đó, cụ ra trụ sở xã, chúng tôi tính toán giùm cho.
- Dạ.

Tiền chân ông thư ký xong, lão loanh quanh nghĩ đến việc đo đất. Đo bằng cái gì bây giờ? Thước đâu mà đo? Cả năm cả đời có bao giờ lão mó động đến cái thước? Đơn vị đo lường của lão là gang tay, sải tay, đòn gánh, cây sào. Đơn vị nhỏ thì chi li bề bộn hơn: lóng tay, mút đũa, mút chia vôi, hột bắp, hột gạo, hột kê, con mọt... Cái gạch địa này rộng năm gang... mặt trời lên hai sào... cái mụn bọc to bằng mút chia vôi.. đóng cái răng cối xuống thêm nửa hột gạo... đó, những dụng ngữ thông thường mà tai lão hằng nghe, miệng lão hằng nói. Lão đi rảo nửa xóm mới mượn về được cái thước. Lão nói chắp hai sợi dây gàu làm một và đo đủ năm thước. Nơi mỗi đầu dây lão cột một thanh củi vót nhọn. Lão đợi một đêm trăng sáng và rủ vợ cùng đi để mẹ giúp tay với lão, nhưng mẹ ương ngạnh cãi lại:

- Tui không biết đo đạc tính toán.
- Thì ai biểu mẹ đo đạc? Mẹ chỉ cần cầm một đầu dây rồi tôi sai gì mẹ cứ làm theo.
- Từ thuở cha sinh mẹ đẻ tới giờ tui đâu có đất có ruộng mà biết làm theo?

Giọng lão nằn nì:

- Mẹ chịu khó một chút mà.
- Không.

Im lặng một phút, chợt mẹ oang oang lên như để phân bua với hàng xóm:

- Đo đo đạc đạc... đạc điền đạc thổ cái gì... Làm như giàu lắm. Đo cái gì lại để ban đêm mới đo? Quá là đi ăn trộm.

Lão ướm người, nạt một tiếng:

- Im đi. Cha mày. Cái miệng như cái mõ làng.

Và lão vội vã xách cuộn dây gàu đi tuốt. Cái mõ oang oang sau lưng lão. Thật là đồ ngu. Lão đã chọn ban đêm để đừng ai xoi mói nhìn vào công việc của lão. Lão ngược khi sung sướng mà bị ai bắt gặp. Như ngày Tết mặc áo mới. Như ngày cưới vợ, lão đi đón dâu bị hàng xóm chạy ra đường xem mắt. Lão làm bằm trong miệng những tiếng ròi rạc, vô nghĩa. Đến đám đất, lão cởi áo vắt trên cái chòi theo thói quen. Đêm mát lành lạnh. Mặt trăng sáng trắng như cái đĩa bạc chạy vun vút trên nền trời không mây. Lão đi lại một góc rào vệt cành cây, lá cây để cắm sạt một cây cọc xuống. Lão cầm đầu dây kia chậm rãi, tránh những cây dưa, nhảy qua những vòng khoai... đi cho đến lúc sợi dây căng thẳng mới dừng lại. Lão cắm cái cọc thứ hai xuống. Miệng đồng đạc đếm: Một. Tiếp theo, lão giật mạnh sợi dây cho cây cọc ở góc rào nhỏ lên, lão thu dây vào lòng bàn tay rồi chậm rãi bước tới cho đến khi sợi dây lại căng thẳng dưới tay lão. Cứ như thế, chậm chậm, nghiêng trang, lão đem hết tâm hồn mình ra để cắm ngay ngắn chiếc cọc để kéo thật thẳng sợi dây, để đồng đạc đếm: Một... Hai... Ba... Bốn... Không được mắt một thước đất. Phải đo cho hết, phải đếm cho đủ. Lão cứ mong sao cho đất dài mãi, dài mãi vô tận ở dưới bước chân mình. Ánh trăng chao qua chao lại, rót chảy theo lòng lá môn lá bắp nghiêng nghiêng. Lão lắng nghe tiếng chó tru ở các xóm rải rác xa xa, tiếng con ếch ồm ộp ở bờ ao, tiếng đế ri ri như xỉa xói vào bóng tối.

Khi đã đo đủ hai chiều, lão lẩm nhẩm đọc thuộc những con số, những con số kỳ diệu đang biến lão thành chủ nhân của một sản nghiệp do mồ hôi và bắp thịt của lão gây dựng nên: sáu dây bốn thước chín tấc, bốn dây... Lão học thuộc dãy con số đó trên đường về. Lão học thuộc dãy con số đó khi vục gáo vào lu múc nước rửa chân, khi leo lên chõng nằm, khi lơ mơ đợi giấc ngủ đến. Sáng hôm sau, lão đi đến trụ sở xã. Suýt tí nữa thì quên tay cởi bật cái áo ra để tìm chỗ vắt. Lão quen ở trần nên da chai đi, mặc áo vào một lát thì thấy nực và ngứa ngáy. Ông thư ký địa bạ tươi cười chào trước:

- A, cụ Túc. Thuốc lá của cụ hút đậm hơn thuốc Cùng Sơn. Hôm nào hái ủ được nhiều nhiều, cụ nhớ để giành cho tôi một ghim. Đã đo đám đất xong chưa?
- Dạ, mới đo hồi hôm.
- Được bao nhiêu?
- Dạ, sáu dây bốn thước chín...
- Sáu dây là cái gì? - Lòng mày của ông thư ký nhú lại.
- Dạ, thưa quên. Tôi lấy cái dây để đo. Mỗi dây năm thước.

- À, được. Mời cụ lại bàn đây.

Lão tìm chỗ để đặt nón rồi tiến lại cái bàn giấy. Ông thư ký rút một tờ trong chồng giấy có in chữ sẵn đặt ở mép bàn, vừa mở nắp bút máy.

- Cụ tên gì?
- Dạ, Nguyễn Dương.
- Không phải tên Túc à?
- Dạ không. Nguyễn Dương là tên trong bài chỉ thuế thân.
- Sanh quán, chánh quán? Làng Ngân Sơn phải không?
- Dạ phải.

Ngồi bút chạy rền rẹt trên giấy.

- Làng Ngân Sơn... tổng An Sơn... Quận Tuy An... ông thư ký vừa đọc to vừa viết. Y như trong một lớp học. Cái miệng đang đọc rang rảng của ông thầy giáo. Bàn tay nhẩn nại cầm bút của học trò. Miệng ông thư ký méo xệch, uốn éo theo đường đi của ngòi bút.

- Thở canh nhất khoảnh. Bề dài bao nhiêu?
- Sáu đây là bốn thước chín tấc...
- Sáu đây vị chi đi ba mươi thước.

Ông viết những con số thật to, chậm chậm, cẩn thận, tô đi tô lại nhiều lần.

- Bề ngang?
- Dạ, bốn đây ba thước cộng với ba là hai mươi ba thước tám tấc...

Lão Túc chăm chăm vào đầu ngòi bút. Nét chữ đều đặn hiện ra, nhẹ nhàng, ngoằn ngoèo khiến lão muốn chóng mặt. Như khi ngồi xe đò xuống dốc xe uốn mình theo con đường lượn vòng và ở dưới mắt, dải sông, lùm cây, xóm chợ, ruộng lúa chao qua chao lại. Ông thư ký không hỏi lão nữa mà đang nhíu khoằm đôi lông mày xuống để tính toán:

- Tám lần chín là bảy mươi hai, viết hai nhớ bảy. Tám lần bốn là ba mươi hai với bảy là... với bảy là ... ba mươi chín... với bảy là...

Ngòi bút gạch, xóa, bôi, sửa nhiều lần. Ông lấy thêm tờ giấy khác, lại viết, lại tính, lại bôi. Những vết nhăn ngấn cày sâu ở khoảng cách giữa hai chân mày. Lão Túc chấp tay đứng im lặng, chăm chăm nhìn. Lão có cảm giác mình đang phạm tội. Quấy rầy kẻ lớn! Lão chuyển sang sợ hãi khi chợt nghĩ đến sự lúng túng của ông thư ký. Ông ta có thể tính sai làm mất đi vài thước đất. Bao nhiêu là mồ hôi, là hơi thở phì phò, là gân cốt vươn lên cúi xuống mới có được một thước đất. Ngọn bút tài ba mà cũng ác nghiệt. Nó có thể xóa mất, một cách dễ dàng, bao nhiêu công lao của người ta. Một vệt đờm loáng thoáng ở đâu trong cổ họng bắt lão muốn ho nhưng lão không dám. Tiếng đặng đặng của ông thư ký làm lão giật mình. Về mặt tươi tỉnh, ông giơ ngọn bút vẽ một vòng tròn bao quanh con số thành như sợ để không thì nó trốn mất. Ông giơ tờ giấy lên xa đôi mắt một chút, chụm sát đôi môi lại rồi một tay xoa cằm, ông đồng dục tuyên bố:

- Tám trăm ba mươi mét ca-rê.

Lão Túc hơi cong lưng xuống và "dạ" một tiếng nhỏ. Khi nhận ân huệ, mọi người đều cong lưng và nói khe khẽ như vậy.

- Cụ ký dưới tờ khai này đi.

Vừa nói, ông thư ký vừa ấn bút vào tay lão. Lão rùng mình khi tay chạm vào cán bút. Giọng lão thiếu não:

- Ông cho tôi... lẩn tay.
- Không được. Thời đại bây giờ mà đâu còn có chuyện lẩn tay điếm chỉ?
- Thưa ông, tôi cố gắng đi học bình dân mà tối dạ u mê quá, học đâu quên đó. Tay quen cầm cày cầm rựa nên hễ cầm bút là cứ tuột ra.

Ông thư ký cười to, nhìn xuống những ngón tay của lão sù sì cong vẹo như rễ duối rễ bàng.

- Thôi được. Đưa tôi cầm tay cụ ký giùm cho.

Ông đặt cán bút vào giữa lòng bàn tay lão rồi nắm trọn bàn tay ấy kề gần mặt giấy đẩy lên đẩy xuống. Ngòi bút xóc giấy liên tục, mực toé ra như hoa cải.

- Cụ đừng đề xuống... để yên tôi lái cho.
- Dạ.
- Cái lưng cứ ngồi thẳng. Kia! Đừng đề chớ. Cầm lỏng lỏng cây bút một chút.

Khi ông thư ký ra lệnh "thôi" thì một chữ "Dương" méo mó đã nằm yên trên mặt giấy. Tim lão đập rộn ràng. "Bút sa gà chết". Chẳng biết lão vừa ký nhận cái gì. Nếu đó là một văn tự vay nợ, một tờ giấy bán đất thì thật là rồi đời lão. Nhưng mà không có lý. Lão nghèo nàn thế này, ai nỡ lừa đảo lão làm chi. Cán rựa của lão bóng loáng vì phạt bờ chặt gốc trên mảnh đất đó, lưỡi cuốc của lão phàm phạt thảng này sang thảng khác trên

mảnh đất đó, nào ai còn không biết. Lão đem lòng thành ra mà ở với thiên hạ. Trên đường về, lòng lão băng khuâng rộn ràng. Mảnh đất của lão đã có tên tuổi, đã được làng biết đến, và công nhận chính thức. Nó được hiện hình bằng chữ trên một tờ giấy in, vuông vức ngay ngắn được xếp chung với hàng trăm tờ giấy khác, hàng trăm miếng đất miếng ruộng khác. Nó không là thứ đũa con hoang. (Đất hoang cũng giống như con hoang vậy). Nó đã được công nhận, được xếp vào hàng ngũ bình thường. Tên của lão đã có trong sổ bộ bắt đầu từ hôm nay. Người ta gọi lão là nghiệp chủ. "Nghiệp chủ Nguyễn Dương... thổ canh nhất khoảnh diện tích tám trăm ba mươi ca-rê..." Chẳng biết "ca-rê" là cái thứ gì. Nhưng hẳn có "ca-rê" tức là có đất. Lão vui chân rảo bước. Chân vấp phải một hòn đá đau điếng nhưng lão chỉ nháy lò cò lên vài bước, xuyết xoa rồi thôi. Có chảy máu chút chút cũng không sao. "*Tám trăm ba mươi ca-rê Nguyễn Dương thổ canh nhất khoảnh...*"

Ăn được một mùa lúa sạ thì bỗng một chiều kia thằng Lọt lù lù bước vào cửa. Chân nó đi khập khểnh. Lão hỏi, giọng bình thản như chưa bao giờ biết cảm động:

- Sao đi cái chân cà nhắc vậy?

Thằng Lọt nhìn lằm lì xuống đất, trả lời nhát gừng:

- Tại xe nhà binh nó cán.

- Chớ con mắt mày để đi đâu? Đi sao không nói trước nói sau?

Thằng Lọt đổ quạu liền:

- Sao lại không có con mắt? Đạp xe ba gác chở củi cho người ta, xe nhà binh chạy ẩu, qua "cua" phanh không kịp tán lẩn nhào. Không chết là may.

- Sao không bắt người ta đền?

- Sao ông không vô đó bắt đền giùm? Bộ để bắt đền lắm hay sao?

- Đó là tại mày lỗi.

- Lỗi cái gì? Tôi đi đúng luật.

- Thế thì mày giỏi.

- Chớ sao...

Câu chuyện cắt ngang ở đó, vô duyên, ngờ ngẩn. Hai cha con không lái nổi câu chuyện khiến nó đâm vào ngõ bí. Thằng Lọt đặt cái va-li làm bằng thiếc xuống chõng. Mụ Túc chạy lại xum xoe sờ mó. Mụ bảo nó mở khóa và mụ lôi ra nào bút tất cũ, sơ mi cũ, bài ca vọng cổ và lục cục nhiều món mà mụ không biết dùng để làm gì.

Mụ cầm một cái đũa lên hỏi:

- Chai thuốc gì đây, mày?

- Thuốc gì? - Thằng Lọt nhíu mày - Đó là lọ bi ăng tin chải tóc.

- Chá thằng này sang dữ. Còn cái áo gì mà cụt ngắn vậy? Bạn làm sao?

- Cái đó mà kêu là cái áo? Cái xì líp. Bạn thay quần xà lỏng.

Lão tức ngồi ở ngạch cửa nhìn vợ con, bực mình thấy vợ lão vồ vập một cách thái quá. Cái chân khập khểnh của thằng Lọt mới là điều đáng cho lão suy nghĩ, âu lo. Nó có còn đi cày được không? Nó có còn cuốc cỏ mía được không? Nó có còn khiêng nổi cái che không?

Chợt vợ lão hỏi:

- Mày còn tiền dư được mấy ngàn?

- Tiền ăn cướp hay sao mà dư? Nằm nhà thương thì hai tháng mới lành cái chân. Đạp xe ba gác không được, chủ cho thôi. Phải xin một trăm rưỡi tiền xe về xứ.

Lão hỏi:

- Còn con Ty đâu? Sao nó không về với mày?

- Mắc mớ gì mà nó về với tôi?

- Là tao hỏi vậy thôi. Chớ nó không ở chung với mày sao?

- Thân ai nấy lo.

Mụ Túc chen vào:

- Thế hai đứa bay hết thương rồi sao?

- Thương cái gì nữa? Nó vô Phan Thiết theo người khác

- À đàn bà là vậy đó - lão Túc thờ dài - Nó vô trong đó làm nghề gì?

- Ban đầu, đi ở cho người ta. Bây giờ nó đi làm đi.

- Trời thần ơi! - Mụ tức kêu lên.

Hai vợ chồng già nghĩ thương cho sự thất bại của thằng Lọt nên thôi không nói đến chuyện con Ty nữa. Riêng lão Túc, lão cảm thấy an lòng, mặc dù cái chân khập khểnh của thằng Lọt làm lão lo lắng vẫn vợ. Như thế là rõ ràng thành phố phụ bạc con người như lòng lão nghĩ. Chỉ còn đồng quê. Chỉ còn mảnh đất.

Hôm sau những nhát cuốc của lão giáng xuống mạnh hơn, những phát rựa chém xuống ngọt hơn. Lão thêm tình yêu đối với đất, đồng thời dự tính trong óc cũng nhiều hơn. Để cho thằng Lọt nghỉ dăm ngày rồi lão sẽ bắt nó ra đây chặt phụ cây, đốn phụ chà với lão. Nó sẽ luôn luôn ở cạnh lão trên mảnh đất này. Có bị thành phố hắt hủi nó mới chịu an phận trên luống cày. Tháng Năm tháng Sáu rồi rồi việc đồng áng lão sẽ mạnh dạn phá thêm một khoảnh rộng nữa. Sẽ rắc một gia giống lúa reo, sẽ gặt về năm mươi gia lúa mới, phơi khô giề sạch. Lúa sẽ xô đầy sào sào dưới chân lão khi lão đi cày lúa trên sân phơi. Lúa sẽ rơi rào rào trên nong khi thằng Lọt nâng cao thúng cho lúa chảy xuống từng lớp mỏng và lão cầm chắc cái quạt to đứng sau quạt phần phật. Mụ Túc sẽ đi đi lại lại lê cái chổi quét dùm những ngọn lúa lép. Bầy gà của lão sục sạo tha hồ trong đám rơm mới đập thơm nhát mùi lúa giập, mùi nắng, mùi bùn. Ngoài lúa ra, mảnh đất thân yêu còn sản xuất mỗi thứ một ít đủ cho lão dùng. Có bắp, có khoai, có mè, có đậu, rau cà... Tháng Chạp dây bầu, dây mướp quần quại dưới sức nặng của những trái xanh. Tháng Giêng, những trái bí ngô nằm lẫn lóc trên mặt đất phơi màu da vàng xanh loang lổ...

Lão buông ý nghĩ, đi dần về phía bụi ngô tìm ngắt hoa bí đực. Bí bò lan đầy mặt đất, lá xanh che kín một vùng, chỉ thỉnh thoảng nở vàng một hoa, lão rón rén đi nhón bước giữa đám lá um tùm. Trong cái vạt áo được cuộn lên làm bọc, hoa bí vàng chứa mỗi lúc một thêm nhiều. Hoa bí có vị ngọt của cánh đài, cánh tràng, có mùi thơm của phấn hoa. Mỗi buổi cơm chiều là có một rổ hoa bí luộc chấm nước... Thốt nhiên dưới bước chân lão, lão nghe một tiếng "bóc". Một cảm giác tê buốt như tự đâu châm vào da thịt. Lá bí lay động rã ra một con đường hẹp cho một thân rắn trườn tới, thật mạnh, vun vút. Thân rắn màu đen sậm, óng ánh. Lão la lên:

- Trời ơi! Rắn hổ mang...

Tay trái buông xuống, vạt áo bị tuột ra, hoa bí rơi tung toé xuống đất, nằm gác trên lá. Lão bước ra khỏi đám bí. Máu ri ri chảy từ vết rắn cắn ở trên mắt cá chân mặt. Nhức ở nơi ấy, như có nhiều mũi kim châm tới. Sự đau nhức tiến lên rất mau, đến bắp chân, trên bắp chân như những lưỡi lửa liếm tới, tràn lan ra, tỏa xung quanh, như mép những đợt sóng con dạt vào bờ, tràn rộng, tỏa ra xa. Nhức lên đến bắp đùi. Lão hết bước được nữa. Chân trái run, lão kéo lê chân mặt. Phải gắng về nhà, cho thật nhanh. Rắn lục cắn dấu độc nhưng còn dễ chữa. Nọc rắn hổ mun, hổ chuối còn có thuốc bài trừ. Chớ rắn hổ mang... Lão giận mình sao không lưu tâm đến cái hang rắn này hôm vỡ đất. Lão giận mình sao hôm nay hái hoa bí chi quá sớm. Hay là lão tới số rồi. Nghĩ đến đây, nước mắt của lão tuôn ra làm hai dòng, chảy vào miệng nghe mằn mặn. Lão nặng nhọc cố lê từng bước. Nhưng mỗi bước mỗi chậm hơn. Mỗi nặng hơn. Loạng choạng, mắt lão hoa lên. Từng vòng vàng, vòng đỏ quay cuồng lộn xộn. Còn năm thước nữa mới đến đường cái. Lão cố nhướng mắt lên, cố vận dụng sức lực chuyên đến đôi chân. Còn bốn thước rưỡi nữa. Lão loạng choạng, nhưng gượng cho khỏi ngã. Tay lão run theo chân. Vẫn còn bốn thước rưỡi nữa. Tai lão ù đi. Lão thấy lạnh ở hai vai, cái cổ cứng lại. Chân mặt của lão nặng như khúc gỗ. Có còn là chân của lão thật không? Lão cố nhìn xuống xem nó có còn đấy không. Nó đã rời ra chưa. Lão lạng người đi. Đầu lão xoay vắn. Bụi dưới xanh, con đường vàng, bờ tre xa, dãy núi, vòm trời... chao đi, đảo lộn, xoay vòng, nhanh dần, mờ mờ, rung rinh. Lão ngã quỵ xuống đất.

Người đi qua trông thấy vực lão về nhà. Xóm giềng già gùgù, pha nước tiểu đổ cho lão. Lão tỉnh lại, đưa ngón tay chai sạn sù sì chỉ xuống chân ú ớ nói:

- Rắn hổ mang... mổ.

Mọi người "ò" lên. Tiếng nói rào rào như sóng dậy.

- Chết! Chết! Trời ơi! Bị rắn cắn chỗ nào?

- Kiếm đâu cho có nước lò rền?

- Đâu phải chó dại cắn mà uống nước lò rền? Mô Phật không biết ở gần đây có xương chồn đèn không.

Lời bàn tán kéo dài, bàn tán ở quanh giường lão, ở trước sân, ở ngoài ngõ. Lão Túc rên hừ hừ. Mỗi lần trở mình, lão la hét lên như có ai cứa dao vào thịt lão.

Tin lão bị rắn hổ mang cắn chuyên đi thật nhanh. Ông Câu Đáp chuyên môn hốt thuốc Nam chống gậy đến. Mặt ông đỏ gay vì rượu. Chòm râu thưa, da mặt mỏng và bóng nhẵn. Ông lại gần, xich cái va li thiếc của thằng Lọt còn đặt nằm trên chõng, ghé đít ngồi xuống. Ông lật miếng lá xanh ai đã nhai đắp lên vết rắn cắn, ném "bạch" xuống đất rồi đồng dục hỏi:

- Đứa nào đắp món gì đó?

Mụ Túc lật đặt cung kính đáp:

- Dạ thưa ông Câu, tui nhai lá hẹ mới đắp lên.

- Hứ! Lá hẹ mà ăn thua gì?

Ông vén ống quần lão Túc, nắn bóp cái chân bị nạn. Nó sưng to gấp rưỡi cái chân kia. Da căng bóng. Lão Túc la rống lên như một con heo bị thọc huyết. Ông Câu Đáp chậm rãi nói:

- Nếu thiệt rấn hổ mang cắn thì không cứu được. Mà cái điệu sưng nhưc này thì đúng là rấn hổ mang.

Mụ Túc khóc òa lên chấp hai tay vái lia lịa:

- Lạy ông Câu, xin ông Câu làm phước cứu giùm.

Mặt ông Câu vẫn nghiêm trang lạnh lùng:

- Thì tôi cũng chữa cầu may. Không dám bảo đảm. "*Gằm tại chỗ, hổ về nhà*". Có hai con rấn đó là độc hơn hết. Mái gằm cắn thì chết tại chỗ. Rấn hổ thì về nhà mới chết.

Ông dừng câu nói, lễ mễ tháo lưng quần lấy ra một gói bọc lá chuối tươi:

- Đem giã nắm bấp đóng chông này cho nhỏ rồi bỏ thêm chút muối.

- Dạ.

- Lấy xác đắp lên chỗ rấn cắn. Còn nước thì cho uống.

- Dạ.

Khi ông Câu Đáp ra về thì láng giềng cũng lục đục về theo. Chỉ còn bà Gậy nhà ở liền trước lật và ông Bộ còn nán lại. Lũ trẻ nhỏ hiếu kỳ thì tổ chức cuộc chơi đánh đáo ở ngoài đường, ngay cửa ngõ. Tiếng cười nói, tiếng cãi nhau ồn ào. Ở trong nhà, lão Túc vẫn rên, tiếng rên càng lúc càng mệt nhọc. Đến xế chiều lão thở hỗn hển. Hàng xóm đến thăm đông trở lại. Nhóm này bàn tiếp về phép chữa rấn cắn. Nhóm kia không tin rằng ngẫu nhiên mà lão Túc bị rấn cắn. Họ che miệng nói nhỏ vào tai nhau:

- Các đảng ở đó... linh lắm.

Người nghe gật đầu khe khẽ và gật liên tiếp bốn năm cái. Một nhóm khác thảo luận về việc đồng Tấn Lương bị khô nước, chủ rẽ kiện chức yển đập Sơn Chà. Máy nhóm thanh niên tụ họp xa hơn, ở góc ỏi, góc mít, nói chuyện nhân tình nhân nghĩa, gả bán cho nhau rồi thích thú cười ngặt nghẽo.

Chợt ở trong nhà có tiếng mụ Túc khóc rống lên:

- Ở ông ơi, sao ông thế này? Ở ông Túc ơi! Hu hu...

Mọi người chạy đổ xô vào nhà. Người ta chen chúc nhau tìm một chỗ đứng. Mụ Túc quỳ bên giường, tóc xoắn tung che nửa mặt. Thằng Lọt đứng khoanh tay gần đó, nước mắt chảy ròng ròng. Lão Túc nằm thở thoi thóp. Đôi mắt đã dại. Đôi tay mân mê giường chiếu. Chợt lão mấp má môi. Mụ Túc kề sát tai lại gần lão. Mọi người im lặng. Lão nuốt liên tiếp những miếng đờm khò khè chạy lên tận cổ. Rồi lão thều thào nói đứt quãng:

- Miếng đất Gò Đình.. thằng..

Mắt lão trợn ngược. Mụ Túc khóc òa lên:

- Ở ông ơi! Ông bỏ tui ông đi một mình. Ở ông ơi!

Võ Hồng